

1766

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 728/QĐ-GDĐT-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2019

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN GIỜ

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2019-2020 (lần 1)

**ĐẾN**

Số:.....

Ngày:.....

Chuyển:.....

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Lưu hồ sơ số:..... Căn cứ Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2019-2020;

Căn cứ tình hình cơ sở vật chất, mạng lưới trường lớp và yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh tại tờ trình số 09/TTr-KHTC-TS ngày 05 tháng 4 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2019-2020 cho các trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học loại hình công lập, thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ, Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Trưởng phòng Giáo dục Trung học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng các trường có tên nơi điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận :

- Như điều 2;
- Giám đốc Sở "để báo cáo";
- Lưu (VP, KHTC) /



Lê Hồng Sơn

**CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2019-2020**  
**HỆ CÔNG LẬP**

(Đính kèm theo Quyết định số 728/QĐ-GDDT-KHTC ngày 09/4/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Tên đơn vị                  | Chỉ tiêu được giao |            |                           |              |          |            |                           |              | Môn chuyên                                                                          | Ghi chú                 |
|-----|-----------------------------|--------------------|------------|---------------------------|--------------|----------|------------|---------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
|     |                             | Lớp                |            |                           |              | Học sinh |            |                           |              |                                                                                     |                         |
|     |                             | Tổng số            | Trong đó:  |                           |              | Tổng số  | Trong đó:  |                           |              |                                                                                     |                         |
|     |                             |                    | Lớp thường | Lớp chuyên/lớp năng khiếu | Lớp tích hợp |          | Lớp thường | Lớp chuyên/lớp năng khiếu | Lớp tích hợp |                                                                                     |                         |
| 1   | THPT Trưng Vương            | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                                                     |                         |
| 2   | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa  | 13                 | 2          | 9                         | 2            | 475      | 90         | 315                       | 70           | Văn-35, Toán-35, Lý-35, Hóa-35, Sinh-35, Tiếng Anh-140.                             |                         |
| 3   | THPT Lương Thế Vinh         | 9                  | 6          |                           | 3            | 375      | 270        |                           | 105          |                                                                                     |                         |
| 4   | THPT Năng Khiếu TDTT        | 8                  |            | 8                         |              | 240      |            | 240                       |              | NK TDTT                                                                             |                         |
| 5   | THPT Bùi Thị Xuân           | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                                                     |                         |
| 6   | THPT Ten Lơ Man             | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |                                                                                     |                         |
| 7   | THPT Lê Quý Đôn             | 15                 | 15         |                           |              | 450      | 450        |                           |              |                                                                                     |                         |
| 8   | THPT Lê Thị Hồng Gấm        | 8                  | 8          |                           |              | 360      | 360        |                           |              |                                                                                     |                         |
| 9   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai   | 15                 | 15         |                           |              | 645      | 645        |                           |              |                                                                                     | Trong đó có 02 lớp FIEF |
| 10  | THPT Marie Curie            | 30                 | 30         |                           |              | 1.200    | 1.200      |                           |              |                                                                                     | Trong đó có 03 lớp FIEF |
| 11  | THPT Nguyễn Thị Diệu        | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                                                     |                         |
| 12  | THPT Nguyễn Hữu Thọ         | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |                                                                                     |                         |
| 13  | THPT Nguyễn Trãi            | 13                 | 13         |                           |              | 585      | 585        |                           |              |                                                                                     |                         |
| 14  | THPT chuyên Lê Hồng Phong   | 22                 | 5          | 16                        | 1            | 775      | 215        | 525                       | 35           | Văn-70, Toán-105, Lý-70, Hóa-70, Sinh-35, Tiếng Anh-105, Tin-35, Trung-15, Nhật-20. | Trong đó có 01 lớp FIEF |
| 15  | Trung học Thực hành - ĐHSP  | 8                  | 5          | 3                         |              | 295      | 190        | 105                       |              | Văn-35, Toán-35, Tiếng Anh-35.                                                      |                         |
| 16  | Trung học thực hành Sài Gòn | 4                  | 4          |                           |              | 135      | 135        |                           |              |                                                                                     |                         |
| 17  | THPT Trần Khai Nguyên       | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                                                     |                         |
| 18  | Phổ thông Năng Khiếu        | 17                 | 3          | 14                        |              | 600      | 135        | 465                       |              | Văn-70, Toán-70, Lý-70, Hóa-70, Sinh-70, Tiếng Anh-70, Tin-45.                      |                         |
| 19  | THPT Trần Hữu Trang         | 7                  | 7          |                           |              | 315      | 315        |                           |              |                                                                                     |                         |

| STT | Tên đơn vị                                  | Chỉ tiêu được giao |            |                           |              |          |            |                           |              | Môn chuyên                                             | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------|--------------------|------------|---------------------------|--------------|----------|------------|---------------------------|--------------|--------------------------------------------------------|---------|
|     |                                             | Lớp                |            |                           |              | Học sinh |            |                           |              |                                                        |         |
|     |                                             | Tổng số            | Trong đó:  |                           |              | Tổng số  | Trong đó:  |                           |              |                                                        |         |
|     |                                             |                    | Lớp thường | Lớp chuyên/lớp năng khiếu | Lớp tích hợp |          | Lớp thường | Lớp chuyên/lớp năng khiếu | Lớp tích hợp |                                                        |         |
| 20  | THPT Hùng Vương                             | 24                 | 21         |                           | 3            | 1.050    | 945        |                           | 105          |                                                        |         |
| 21  | THPT Phạm Phú Thứ                           | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                        |         |
| 22  | THPT Bình Phú                               | 16                 | 16         |                           |              | 720      | 720        |                           |              |                                                        |         |
| 23  | THPT Nguyễn Tất Thành                       | 16                 | 16         |                           |              | 720      | 720        |                           |              |                                                        |         |
| 24  | THPT Mạc Đĩnh Chi                           | 24                 | 18         | 6                         |              | 1.020    | 810        | 210                       |              | Văn-35, Toán-35, Lý-35, Hóa-35, Sinh-35, Tiếng Anh-35. |         |
| 25  | THPT Lương Văn Can                          | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                        |         |
| 26  | THPT Tạ Quang Bửu                           | 13                 | 13         |                           |              | 585      | 585        |                           |              |                                                        |         |
| 27  | THPT Nguyễn Văn Linh                        | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |                                                        |         |
| 28  | THPT Võ Văn Kiệt                            | 13                 | 13         |                           |              | 585      | 585        |                           |              |                                                        |         |
| 29  | THPT Ngô Gia Tự                             | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                        |         |
| 30  | THPT Chuyên Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định | 13                 | 9          | 4                         |              | 545      | 405        | 140                       |              | NK TDTT                                                |         |
| 31  | THPT Nguyễn An Ninh                         | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                        |         |
| 32  | THCS-THPT Trương Nguyệt Anh                 | 5                  | 5          |                           |              | 225      | 225        |                           |              |                                                        |         |
| 33  | THPT Nguyễn Khuyến                          | 18                 | 18         |                           |              | 810      | 810        |                           |              |                                                        |         |
| 34  | THCS-THPT Diên Hồng                         | 9                  | 9          |                           |              | 405      | 405        |                           |              |                                                        |         |
| 35  | THPT Nguyễn Du                              | 16                 | 16         |                           |              | 480      | 480        |                           |              |                                                        |         |
| 36  | THPT Trần Quang Khải                        | 18                 | 18         |                           |              | 810      | 810        |                           |              |                                                        |         |
| 37  | THPT Nguyễn Hiền                            | 14                 | 14         |                           |              | 420      | 420        |                           |              |                                                        |         |
| 38  | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa                      | 16                 | 16         |                           |              | 720      | 720        |                           |              |                                                        |         |
| 39  | THPT Nguyễn Thượng Hiền                     | 19                 | 11         | 5                         | 3            | 775      | 495        | 175                       | 105          | Văn-35, Toán-35, Lý-35, Hóa-35, Tiếng Anh-35.          |         |
| 40  | THPT Nguyễn Thái Bình                       | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                        |         |
| 41  | THPT Nguyễn Chí Thanh                       | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                        |         |
| 42  | THPT Trần Phú                               | 20                 | 20         |                           |              | 900      | 900        |                           |              |                                                        |         |
| 43  | THPT Lê Trọng Tấn                           | 14                 | 14         |                           |              | 630      | 630        |                           |              |                                                        |         |
| 44  | THPT Tân Bình                               | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                        |         |
| 45  | THPT Tây Thạnh                              | 20                 | 20         |                           |              | 900      | 900        |                           |              |                                                        |         |
| 46  | THPT Gò Vấp                                 | 13                 | 13         |                           |              | 585      | 585        |                           |              |                                                        |         |

| STT | Tên đơn vị             | Chỉ tiêu được giao |            |                           |              |          |            |                           |              | Môn chuyên                                            | Ghi chú    |
|-----|------------------------|--------------------|------------|---------------------------|--------------|----------|------------|---------------------------|--------------|-------------------------------------------------------|------------|
|     |                        | Lớp                |            |                           |              | Học sinh |            |                           |              |                                                       |            |
|     |                        | Tổng số            | Trong đó:  |                           |              | Tổng số  | Trong đó:  |                           |              |                                                       |            |
|     |                        |                    | Lớp thường | Lớp chuyên/lớp năng khiếu | Lớp tích hợp |          | Lớp thường | Lớp chuyên/lớp năng khiếu | Lớp tích hợp |                                                       |            |
| 47  | THPT Nguyễn Trung Trực | 22                 | 22         |                           |              | 990      | 990        |                           |              |                                                       |            |
| 48  | THPT Trần Hưng Đạo     | 19                 | 19         |                           |              | 855      | 855        |                           |              |                                                       |            |
| 49  | THPT Nguyễn Công Trứ   | 19                 | 19         |                           |              | 855      | 855        |                           |              |                                                       |            |
| 50  | THPT Võ Thị Sáu        | 21                 | 18         |                           | 3            | 915      | 810        |                           | 105          |                                                       |            |
| 51  | THPT Phan Đăng Lưu     | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                       |            |
| 52  | THPT Hoàng Hoa Thám    | 18                 | 18         |                           |              | 810      | 810        |                           |              |                                                       |            |
| 53  | THPT Trần Văn Giàu     | 16                 | 16         |                           |              | 720      | 720        |                           |              |                                                       |            |
| 54  | THPT Gia Định          | 23                 | 14         | 6                         | 3            | 945      | 630        | 210                       | 105          | Văn-35, Toán-35, Lý-35, Hóa-35, Tiếng Anh-35, Tin-35. |            |
| 55  | THPT Thanh Đa          | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |                                                       |            |
| 56  | THPT Phú Nhuận         | 21                 | 18         |                           | 3            | 915      | 810        |                           | 105          |                                                       |            |
| 57  | THPT Hàn Thuyên        | 14                 | 14         |                           |              | 630      | 630        |                           |              |                                                       |            |
| 58  | THPT Thủ Thiêm         | 13                 | 13         |                           |              | 585      | 585        |                           |              |                                                       |            |
| 59  | THPT Giồng Ông Tố      | 10                 | 10         |                           |              | 450      | 450        |                           |              |                                                       |            |
| 60  | THPT Ngô Quyền         | 14                 | 14         |                           |              | 630      | 630        |                           |              |                                                       |            |
| 61  | THPT Lê Thánh Tôn      | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |                                                       |            |
| 62  | THPT Tân Phong         | 14                 | 14         |                           |              | 630      | 630        |                           |              |                                                       |            |
| 63  | THPT Nam Sài Gòn       | 2                  | 2          |                           |              | 90       | 90         |                           |              |                                                       |            |
| 64  | THPT Nguyễn Văn Tăng   | 13                 | 13         |                           |              | 585      | 585        |                           |              |                                                       |            |
| 65  | THPT Nguyễn Huệ        | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                       |            |
| 66  | THPT Long Trường       | 11                 | 11         |                           |              | 495      | 495        |                           |              |                                                       |            |
| 67  | THPT Phước Long        | 10                 | 10         |                           |              | 450      | 450        |                           |              |                                                       |            |
| 68  | THPT Tăng Nhơn Phú A   | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |                                                       | Trường mới |
| 69  | THPT Võ Trường Toản    | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |                                                       |            |
| 70  | THPT Trường Chinh      | 17                 | 17         |                           |              | 765      | 765        |                           |              |                                                       |            |
| 71  | THPT Thạnh Lộc         | 14                 | 14         |                           |              | 630      | 630        |                           |              |                                                       |            |
| 72  | THPT Nguyễn Hữu Huân   | 16                 | 11         | 5                         |              | 670      | 495        | 175                       |              | Văn-35, Toán-35, Lý-35, Hóa-35, Tiếng Anh-35.         |            |
| 73  | THPT Thủ Đức           | 17                 | 17         |                           |              | 765      | 765        |                           |              |                                                       |            |

| STT | Tên đơn vị                            | Chỉ tiêu được giao |            |                           |              |          |            |                           |              | Môn chuyên | Ghi chú    |
|-----|---------------------------------------|--------------------|------------|---------------------------|--------------|----------|------------|---------------------------|--------------|------------|------------|
|     |                                       | Lớp                |            |                           |              | Học sinh |            |                           |              |            |            |
|     |                                       | Tổng số            | Trong đó:  |                           |              | Tổng số  | Trong đó:  |                           |              |            |            |
|     |                                       |                    | Lớp thường | Lớp chuyên/lớp năng khiếu | Lớp tích hợp |          | Lớp thường | Lớp chuyên/lớp năng khiếu | Lớp tích hợp |            |            |
| 74  | THPT Hiệp Bình                        | 11                 | 11         |                           |              | 495      | 495        |                           |              |            |            |
| 75  | THPT Đào Sơn Tây                      | 16                 | 16         |                           |              | 720      | 720        |                           |              |            |            |
| 76  | THPT Tam Phú                          | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |            |            |
| 77  | THPT Linh Trung                       | 16                 | 16         |                           |              | 720      | 720        |                           |              |            |            |
| 78  | THPT Bình Chiểu                       | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |            | Trường mới |
| 79  | Phổ thông Năng khiếu Thể thao Olympic | 3                  |            | 3                         |              | 70       |            | 70                        |              | NK TDTT    |            |
| 80  | THPT An Lạc                           | 14                 | 14         |                           |              | 630      | 630        |                           |              |            |            |
| 81  | THPT Bình Hưng Hòa                    | 16                 | 16         |                           |              | 720      | 720        |                           |              |            |            |
| 82  | THPT Vĩnh Lộc                         | 9                  | 9          |                           |              | 405      | 405        |                           |              |            |            |
| 83  | THPT Nguyễn Hữu Cánh                  | 14                 | 14         |                           |              | 630      | 630        |                           |              |            |            |
| 84  | THPT Bình Tân                         | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |            |            |
| 85  | THPT Cù Chi                           | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |            |            |
| 86  | THPT An Nhơn Tây                      | 11                 | 11         |                           |              | 495      | 495        |                           |              |            |            |
| 87  | THPT Phú Hòa                          | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |            |            |
| 88  | THPT Quang Trung                      | 10                 | 10         |                           |              | 450      | 450        |                           |              |            |            |
| 89  | THPT Trung Phú                        | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |            |            |
| 90  | THPT Tân Thông Hội                    | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |            |            |
| 91  | THPT Trung Lập                        | 9                  | 9          |                           |              | 405      | 405        |                           |              |            |            |
| 92  | THPT Bà Điểm                          | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |            |            |
| 93  | THPT Nguyễn Hữu Tiến                  | 11                 | 11         |                           |              | 495      | 495        |                           |              |            |            |
| 94  | THPT Lý Thường Kiệt                   | 11                 | 11         |                           |              | 495      | 495        |                           |              |            |            |
| 95  | THPT Nguyễn Hữu Cánh                  | 11                 | 11         |                           |              | 495      | 495        |                           |              |            |            |
| 96  | THPT Phạm Văn Sáng                    | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |            |            |
| 97  | THPT Nguyễn Văn Cừ                    | 13                 | 13         |                           |              | 585      | 585        |                           |              |            |            |
| 98  | THPT Tân Hiệp                         | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |            | Trường mới |
| 99  | THPT Tân Túc                          | 16                 | 16         |                           |              | 720      | 720        |                           |              |            |            |
| 100 | THPT Bình Chánh                       | 16                 | 16         |                           |              | 720      | 720        |                           |              |            |            |
| 101 | THPT Đa Phước                         | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |            |            |
| 102 | THPT Lê Minh Xuân                     | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |            |            |
| 103 | THPT Năng khiếu TDTT huyện Bình Chánh | 12                 | 11         | 1                         |              | 525      | 495        | 30                        |              | NK TDTT    |            |

| STT | Tên đơn vị            | Chỉ tiêu được giao |            |                           |              |          |            |                           |              | Môn chuyên | Ghi chú    |
|-----|-----------------------|--------------------|------------|---------------------------|--------------|----------|------------|---------------------------|--------------|------------|------------|
|     |                       | Lớp                |            |                           |              | Học sinh |            |                           |              |            |            |
|     |                       | Tổng số            | Trong đó:  |                           |              | Tổng số  | Trong đó:  |                           |              |            |            |
|     |                       |                    | Lớp thường | Lớp chuyên/lớp năng khiếu | Lớp tích hợp |          | Lớp thường | Lớp chuyên/lớp năng khiếu | Lớp tích hợp |            |            |
| 104 | THPT Vĩnh Lộc B       | 16                 | 16         |                           |              | 720      | 720        |                           |              |            |            |
| 105 | THPT Phong Phú        | 15                 | 15         |                           |              | 675      | 675        |                           |              |            | Trường mới |
| 106 | THPT Dương Văn Dương  | 8                  | 8          |                           |              | 360      | 360        |                           |              |            |            |
| 107 | THPT Long Thới        | 8                  | 8          |                           |              | 360      | 360        |                           |              |            |            |
| 108 | THPT Phước Kiển       | 12                 | 12         |                           |              | 540      | 540        |                           |              |            |            |
| 109 | THPT Cần Thạnh        | 6                  | 6          |                           |              | 270      | 270        |                           |              |            |            |
| 110 | THPT An Nghĩa         | 9                  | 9          |                           |              | 405      | 405        |                           |              |            |            |
| 111 | THPT Bình Khánh       | 7                  | 7          |                           |              | 315      | 315        |                           |              |            |            |
| 112 | THCS và THPT Thạnh An | 2                  | 2          |                           |              | 49       | 49         |                           |              |            |            |